

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM
HÀ TÂY

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 682/CV-DHT

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Thực hiện quy định tại Khoản 3 Điều 14 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, CTCP Dược phẩm Hà Tây thực hiện công bố thông tin báo cáo tài chính (BCTC) quý 1/năm 2026 với Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội như sau:

1. Tên tổ chức: CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

- Mã chứng khoán: DHT
- Địa chỉ: Số 10A phố Quang Trung, phường Hà Đông, TP. Hà Nội
- Điện thoại liên hệ/Tel: 0433 501 117 Fax:
- Email: duochatay@gmail.com
- Website: <https://www.hataphar.com.vn>

2. Nội dung thông tin công bố:

- BCTC bán niên năm 2026

☒ BCTC riêng (TCNY không có công ty con và đơn vị kế toán cấp trên có đơn vị trực thuộc);

☒ BCTC hợp nhất (TCNY có công ty con);

☐ BCTC tổng hợp (TCNY có đơn vị kế toán trực thuộc tổ chức bộ máy kế toán riêng).

- Các trường hợp thuộc diện phải giải trình nguyên nhân:

+ Tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với BCTC (đối với BCTC được soát xét/được kiểm toán):

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại (đối với BCTC được kiểm toán năm 2026):

☐ Có

☒ Không



Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước:

☒ Có

☐ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☒ Có

☐ Không

+ Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại:

☐ Có

☒ Không

Văn bản giải trình trong trường hợp tích có:

☐ Có

☐ Không

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày: 28/08/2026 tại đường dẫn: <https://www.hataphar.com.vn/thong-tin-codong.html3>.

3. Báo cáo về các giao dịch có giá trị từ 35% tổng tài sản trở lên trong năm 2026: Không có

Trường hợp TCNY có giao dịch đề nghị báo cáo đầy đủ các nội dung sau:

- Nội dung giao dịch:
- Tỷ trọng giá trị giao dịch/tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp (%) (căn cứ trên báo cáo tài chính năm gần nhất):
- Ngày hoàn thành giao dịch

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin công bố.

Tài liệu đính kèm:

- BCTC riêng bán niên.2026
- BCTC HN bán niên.2026
- Văn bản giải trình

Đại diện tổ chức

Người đại diện theo pháp luật/Người UQCBTT
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)



TỔNG GIÁM ĐỐC
OSAMU YOMOGIDA





Số 88 /CV-BCTC-DHT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 28 tháng 08 năm 2026

Kính gửi: Ủy Ban chứng khoán Nhà nước
Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Tên đơn vị: Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây

Mã chứng khoán: DHT

Địa chỉ trụ sở chính: 10A Quang Trung – Phường Hà Đông – TP. Hà Nội

Điện thoại: 0433 501 117 – Fax: 0433 829 054

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Phạm Minh Thư – Phó phòng pháp chế - truyền thông.

Trong Báo cáo tài chính riêng bán niên năm 2026, kết quả kinh doanh của Công ty cổ phần dược phẩm Hà Tây như sau:

Tổng lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2026 là: 20,037,025,130 đồng so với tổng lợi nhuận sau thuế bán niên năm 2025 là: 28,612,987,213 đồng, chênh lệch giảm 8,575,962,083 đồng tương ứng giảm 29.97% do:

- Giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ bán niên năm 2026 là 1,016,144,986,713 đồng so với giá vốn bán hàng và cung cấp dịch vụ bán niên năm 2025 là 915,306,801,744 đồng, chênh lệch tăng 100,838,184,969 đồng, tương ứng tăng 11.02%.
- Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ bán niên năm 2026 là 84,641,730,180 đồng so với lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ bán niên năm 2025 là 100,296,588,884 đồng, chênh lệch giảm 15,654,858,704 đồng, tương ứng giảm 15.61% qua đó làm giảm lợi nhuận sau thuế của Công ty trong kỳ.
- Doanh thu hoạt động tài chính bán niên năm 2026 là 11,227,502,695 đồng so với doanh thu hoạt động tài chính bán niên năm 2025 là 12,917,918,262 đồng, chênh lệch giảm 1,690,415,567 đồng, tương ứng giảm 13.09%.
- Lợi nhuận khác bán niên năm 2026 là 5,953,008,754 đồng so với Lợi nhuận khác bán niên năm 2025 là 6,815,063,901 đồng, chênh lệch giảm 862,055,147 đồng, tương ứng giảm 12.65%.

Vậy Công ty xin báo cáo Ủy Ban chứng khoán Nhà Nước, Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội biết.

Nơi nhận:

- Như kính gửi
- Lưu: TV-VT-GD

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM HÀ TÂY



Osamu Yomogida

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY
BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026



MỤC LỤC

NỘI DUNG	TRANG
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ	4
BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	8
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ	9 - 38

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Chúng tôi, các thành viên Ban Tổng giám đốc Công ty CP Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của Ban Tổng giám đốc cùng với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đã được soát xét cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc điều hành Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 và đến ngày lập Báo cáo này, gồm:

Hội đồng quản trị

Ông Lê Anh Trung	Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)
Ông Lê Văn Lớ	Chủ tịch (Thôi chức vụ từ ngày 30/3/2026)
Ông Hiroyasu Nishioka	Phó Chủ tịch (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)
Ông Lê Xuân Thắng	Phó Chủ tịch thường trực (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)
Bà Lê Việt Linh	Thành viên
Ông Hoàng Văn Tuế	Thành viên
Ông Yuichiro Okuma	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)
Ông Osamu Yomogida	Thành viên (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)
Ông Keisuke Oshio	Thành viên (Thôi giữ chức vụ từ ngày 30/3/2026)

Ban Tổng giám đốc

Ông Osamu Yomogida	Tổng Giám đốc (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)
Ông Lê Xuân Thắng	Tổng Giám đốc (Thôi chức vụ từ ngày 30/3/2026)
Ông Nguyễn Bá Lai	Phó Tổng giám đốc
Ông Lê Anh Trung	Phó Tổng giám đốc (Thôi chức vụ từ ngày 30/3/2026)
Bà Lê Việt Linh	Phó Tổng giám đốc
Ông Ngô Tuấn Việt	Phó Tổng giám đốc

Người đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ kế toán và đến ngày lập báo cáo này, gồm:

Ông Lê Anh Trung	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Osamu Yomogida	Tổng Giám đốc

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này, Ban Tổng giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này hay không;

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

(tiếp theo)

- Lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ. Ban Tổng giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng giám đốc,

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY



Osamu Yomogida
Tổng Giám đốc

Phê duyệt, ngày 20 tháng 8 năm 2026

Số: 240801 -26/BC-TC/VAE

Hà Nội, ngày 24 tháng 8 năm 2026

**BÁO CÁO SOÁT XÉT
THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ**

Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Tổng giám đốc
Công ty CP Dược phẩm Hà Tây

Chúng tôi đã soát xét Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo của Công ty CP Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20/8/2026, từ trang 05 đến trang 38, bao gồm: Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ tại ngày 30/6/2026, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng giám đốc

Ban Tổng giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/6/2026, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán 06 tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.



Nguyễn Thị Hồng Vân

Phó Tổng giám đốc – Giám đốc kiểm toán

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0946-2023-034-1

Thay mặt và đại diện cho

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM

Mẫu số B 01a - DN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	30/6/2026	01/01/2026 (Trình bày lại)
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		655.365.313.488	852.330.784.028
I. Tiền và các khoản tương đương tiền		110		41.136.446.368	62.204.146.573
1. Tiền		111	V.1.	41.136.446.368	62.204.146.573
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		120		102.549.534.200	153.045.424.635
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn		124	V.2.	102.549.534.200	153.045.424.635
III. Các khoản phải thu ngắn hạn		130		156.195.458.927	146.744.235.162
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		131	V.3.	121.928.153.228	117.809.555.476
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn		132	V.4.	37.753.115.123	32.697.898.240
3. Phải thu ngắn hạn khác		135	V.5.	326.797.534	117.926.940
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi		136		(3.812.606.958)	(3.881.145.494)
IV. Hàng tồn kho		140	V.7.	354.621.739.945	490.336.977.658
1. Hàng tồn kho		141		354.621.739.945	490.336.977.658
V. Tài sản sinh học ngắn hạn		150		-	-
VI. Tài sản ngắn hạn khác		160		862.134.048	-
1. Thuế GTGT được khấu trừ		162		862.134.048	-
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		1.016.026.208.546	1.021.303.483.731
I. Các khoản phải thu dài hạn		210		6.407.042.500	6.407.042.500
1. Phải thu dài hạn khác		216	V.5.	6.407.042.500	6.407.042.500
II. Tài sản cố định		220		148.786.311.640	159.786.858.109
1. Tài sản cố định hữu hình		221	V.9.	147.409.651.640	158.410.198.109
- Nguyên giá		222		394.839.257.990	398.075.756.774
- Giá trị hao mòn lũy kế		223		(247.429.606.350)	(239.665.558.665)
2. Tài sản cố định vô hình		227	V.8.	1.376.660.000	1.376.660.000
- Nguyên giá		228		2.026.660.000	2.026.660.000
- Giá trị hao mòn lũy kế		229		(650.000.000)	(650.000.000)
III. Tài sản sinh học dài hạn		230		-	-
IV. Bất động sản đầu tư		240		-	-
V. Tài sản dở dang dài hạn		250		814.748.939.426	823.583.883.872
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		252	V.10.	814.748.939.426	823.583.883.872
VI. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		260	V.2.	25.893.525.000	25.893.525.000
1. Đầu tư vào công ty con		261		22.743.525.000	22.743.525.000
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết		262		3.150.000.000	3.150.000.000
VII. Tài sản dài hạn khác		270		20.190.389.980	5.632.174.250
1. Chi phí chờ phân bổ dài hạn		271	V.11.	20.190.389.980	5.632.174.250
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (280=100+200)		280		1.671.391.522.034	1.873.634.267.759

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này)

Mẫu số B 01a - DN

BÁO CÁO TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2026
(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	30/6/2026	01/01/2026
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		581.311.133.378	803.590.904.233
I. Nợ ngắn hạn	310		494.998.085.831	717.185.556.686
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12.	207.681.735.674	256.117.722.179
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13.	103.941.603.902	177.873.939.986
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14.	3.316.788.940	4.293.778.212
4. Phải trả người lao động	315		17.519.795.880	25.671.261.962
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	316	V.15.	96.289.965	111.756.803
6. Doanh thu chờ phân bổ ngắn hạn	319	V.16.	658.524.989	575.370.229
7. Phải trả ngắn hạn khác	320	V.17.	1.049.656.122	191.526.944
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	321	V.18.	160.648.306.796	249.995.403.408
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		85.383.563	2.354.796.963
II. Nợ dài hạn	330		86.313.047.547	86.405.347.547
1. Phải trả dài hạn khác	338	V.17.	3.244.800.000	3.337.100.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	339	V.18.	83.068.247.547	83.068.247.547
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.19.	1.090.080.388.656	1.070.043.363.526
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		905.755.510.000	905.755.510.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		905.755.510.000	905.755.510.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		36.282.220.000	36.282.220.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	24.375.893.101
4. Cổ phiếu mua lại của chính mình	415		(15.130.000)	(15.130.000)
5. Quỹ đầu tư phát triển	418		8.963.148.976	8.963.148.976
6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		139.094.639.680	94.681.721.449
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	420a		119.057.614.550	42.236.134.228
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	420b		20.037.025.130	52.445.587.221
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.671.391.522.034	1.873.634.267.759

Phê duyệt, ngày 20 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hải Triều

Đinh Nam Hà

Osamu Yomogida

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này)

Mẫu số B 02a - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
1 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1.	1.100.835.692.655	1.015.603.390.628
2 Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2.	48.975.762	-
3 Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.3.	1.100.786.716.893	1.015.603.390.628
4 Giá vốn hàng bán	11	VI.4.	1.016.144.986.713	915.306.801.744
5 Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		84.641.730.180	100.296.588.884
6 Lãi/lỗ của hoạt động bán, thanh lý bất động sản đầu tư	21		-	-
7 Doanh thu hoạt động tài chính	22	VI.5.	11.227.502.695	12.917.918.262
8 Chi phí tài chính	23	VI.6.	6.527.240.650	13.245.813.064
Trong đó: Chi phí đi vay	24		5.758.663.193	7.127.225.787
9 Chi phí bán hàng	25	VI.9.	20.631.771.897	13.939.566.132
10 Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.9.	49.410.959.556	57.414.106.905
11 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+21-22-(23+25+26))	30		19.299.260.772	28.615.021.045
12 Thu nhập khác	31	VI.7.	6.728.114.480	7.444.508.390
13 Chi phí khác	32	VI.8	775.105.726	629.444.489
14 Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		5.953.008.754	6.815.063.901
15 Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+ 40)	50		25.252.269.526	35.430.084.946
16 Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.11.	5.215.244.396	6.817.097.733
17 Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18 Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)	60		20.037.025.130	28.612.987.213

Phê duyệt, ngày 20 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hải Triều

Đinh Nam Hà

Osamu Yomogida

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 (Trình bày lại)
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		25.252.269.526	35.430.084.946
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02		11.150.546.469	10.873.955.699
- Các khoản dự phòng	03		(68.538.536)	212.849.489
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(987.481.174)	5.299.727.203
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	05		(3.491.722.610)	(5.046.140.508)
- Chi phí đi vay	06		5.758.663.193	7.127.225.787
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		37.613.736.868	53.897.702.616
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10.244.819.277)	10.903.558.912
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		135.715.237.713	(26.801.171.853)
- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		(128.810.166.757)	98.501.284.046
- Tăng, giảm chi phí chờ phân bổ	12		(1.598.308.200)	259.256.417
- Chi phí đi vay đã trả	14		(5.774.130.031)	(7.173.238.312)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(6.074.969.456)	(8.736.787.583)
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(2.269.413.400)	(178.962.877)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		18.557.167.460	120.671.641.366
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		(4.274.963.084)	(39.531.937.520)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		-	100.000.000
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(120.000.000.000)	(60.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		170.000.000.000	90.000.000.000
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		3.987.613.045	5.248.167.927
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		49.712.649.961	(4.183.769.593)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ đi vay	33		208.735.041.876	381.263.054.367
2. Tiền trả nợ gốc vay	34		(298.082.138.488)	(428.844.873.182)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(89.347.096.612)	(47.581.818.815)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(21.077.279.191)	68.906.052.958
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		62.204.146.573	69.332.546.815
Ảnh hưởng của thay đổi TGHĐ quy đổi ngoại tệ	61		9.578.986	657.432
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70	V.01	41.136.446.368	138.239.257.205

Phê duyệt, ngày 20 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Tổng Giám đốc

Người lập

Kế toán trưởng

Nguyễn Hải Triều

Đinh Nam Hà

Osamu Yomogida

(Các thuyết minh từ trang 09 đến trang 38 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này)

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

I. Đặc điểm hoạt động của Doanh nghiệp**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty CP Dược phẩm Hà Tây (gọi tắt là "Công ty") là Công ty cổ phần được chuyển đổi từ Doanh nghiệp Nhà nước theo Quyết định số 1911 QĐ/UB ngày 21/12/2000 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tây (nay là Ủy ban nhân dân Thành phố Hà Nội). Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 030300015 ngày 10/01/2001 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp. Công ty có 27 lần thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0500391400 thay đổi lần thứ 27 ngày 26/4/2026, Công ty thay đổi người đại diện theo pháp luật thì vốn điều lệ của Công ty là **905.755.510.000 đồng** (Chín trăm linh năm tỷ, bảy trăm năm mươi lăm triệu, năm trăm mười nghìn đồng./.).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hà Nội (HNX) với mã chứng khoán là DHT.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty hoạt động trong lĩnh vực sản xuất và kinh doanh thuốc, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất thuốc, hóa dược và dược liệu. Chi tiết: Doanh nghiệp sản xuất thuốc; Sản xuất dược phẩm, dược liệu, mỹ phẩm, thực phẩm thuốc và trang thiết bị y tế; Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối thuốc, nguyên vật liệu làm thuốc do chính cơ sở sản xuất tại Việt Nam;
- Thực hiện quyền phân phối bán buôn thuốc và nguyên liệu làm thuốc do chính cơ sở sản xuất tại Việt Nam; Bán thuốc, nguyên liệu làm thuốc cho cơ sở bán thuốc, nguyên liệu làm thuốc theo khoản 10 điều 91 Nghị định số 54/2017/NĐ-CP;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Không bao gồm đầu tư xây dựng hạ tầng nghĩa trang, nghĩa địa để chuyển nhượng quyền sử dụng đất gắn với hạ tầng);
- Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Sản xuất thực phẩm chức năng; Bán buôn thực phẩm. Chi tiết: Thực hiện quyền phân phối bán buôn hàng hóa theo quy định của pháp luật (không bao gồm hàng hóa thuộc danh mục dự trữ quốc gia và lúa gạo, đường mía, đường củ cải)/.

Trụ sở chính Công ty tại: Số 10A Quang Trung, Hà Đông, Hà Nội.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc doanh nghiệp***Danh sách Công ty con kiểm soát trực tiếp:***

Công ty chỉ đầu tư vào 01 Công ty con là Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà Tây có trụ sở chính tại Số 10, ngõ 4, phố Xóm, phường Phú Lương, thành phố Hà Nội, Việt Nam. Hoạt động kinh doanh chính của Công ty con này là sản xuất thực phẩm chức năng và kinh doanh thiết bị y tế. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, tỷ lệ vốn góp của Công ty tại Công ty con là 50,63%, tỷ lệ quyền biểu quyết và tỷ lệ lợi ích tương đương với tỷ lệ vốn góp.

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Danh sách các Công ty liên kết:

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ
1. Công ty TNHH Hataphar Miền Nam.	62 Trần Văn Giáp, Phường Phú Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	Kinh doanh máy, thiết bị, dụng cụ y tế.	48,28%	48,28%	48,28%
2. Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam.	Số 101 Nguyễn Viết Xuân, Phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam	Kinh doanh và phân phối thuốc.	49%	49%	49%

Danh sách các đơn vị trực thuộc

- | | |
|--|---|
| 1. Chi nhánh Dược phẩm số 1 | - Địa chỉ: Tầng 4 số 10A Quang Trung, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 2. Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây tại Nghệ An | - Địa chỉ: Số 80, Đường Nguyễn Trãi, Phường Vinh Phú, tỉnh Nghệ An, Việt Nam |
| 3. Chi nhánh Dược phẩm Ba Vì | - Địa chỉ: Số 406, đường Quảng Oai, xã Quảng Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 4. Chi nhánh Dược phẩm Thường Tín | - Địa chỉ: Số 251 phố Ga, Xã Thường Tín, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 5. Chi nhánh Dược phẩm Mỹ Đức | - Địa chỉ: Số 92 đội 3, Thôn Tế Tiêu, Xã Mỹ Đức, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 6. Chi nhánh Dược phẩm Đan Phượng | - Địa chỉ: Số nhà 2, đường 422, Khu 6, xã Hoài Đức, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 7. Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây tại Thái Bình | - Địa chỉ: Lô 13, tổ 22, đường Đốc Đen, khu tái định cư, phường Trần Lãm, tỉnh Hưng Yên, Việt Nam |
| 8. Chi nhánh Dược phẩm Phú Xuyên | - Địa chỉ: Tiểu khu Mỹ Lâm, xã Phú Xuyên, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 9. Chi nhánh Dược phẩm Sơn Tây | - Địa chỉ: Số 122, Lê Lợi, phường Sơn Tây, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 10. Chi nhánh Dược phẩm Quốc Oai | - Địa chỉ: Đường phố Huyện, xã Quốc Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 11. Chi nhánh Dược phẩm Ứng Hòa | - Địa chỉ: Số 96, xóm Hồng Phong, thôn Hoàng Xá, xã Vân Đình, thành phố Hà Nội, Việt Nam |
| 12. Chi nhánh Dược phẩm Thanh Oai | - Địa chỉ: Số nhà 121, phố Kim Bài, xã Thanh Oai, thành phố Hà Nội, Việt Nam |

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

13. Chi nhánh Dược phẩm Thạch Thất - Địa chỉ: Đường 84, xã Thạch Thất, thành phố Hà Nội, Việt Nam
14. Chi nhánh Công ty CP Dược phẩm Hà Tây - Địa chỉ: Tầng 4 số 10A Quang Trung, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội, Việt Nam

6. Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ

Số liệu so sánh là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Hà Tây đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam. Một số số liệu của kỳ báo cáo trước được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này như trình bày tại thuyết minh số VIII.4, Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

7. Số lượng nhân viên

Số lượng nhân viên tại ngày 30/6/2026 là 564 người (Tại ngày 31/12/2025: 586 người).

II. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**1. Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này được lập cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam ("VND"), hạch toán theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

III. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 99/2025/TT-BTC ngày 27/10/2025 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán Doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ.

3. Áp dụng hướng dẫn kế toán mới

Ngày 27 tháng 10 năm 2025, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 99/2025/TT-BTC ("Thông tư 99") hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp. Thông tư này có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2026. Thông tư 99 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo thông tư số 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014. Ban Tổng Giám đốc đã áp dụng Thông tư 99 trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)***IV. Tóm tắt các chính sách kế toán chủ yếu****1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ**

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập là Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty mẹ. Công ty lập Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này nhằm đáp ứng các yêu cầu về công bố thông tin, cụ thể là theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán. Đồng thời, Công ty cũng lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty và công ty con (như chi tiết trình bày tại Thuyết minh số I.5.) cho kỳ kế toán 6 tháng kết thúc ngày 30/6/2026 theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

Người sử dụng báo cáo tài chính riêng giữa niên độ nên đọc báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ để có được các thông tin đầy đủ về tình hình tài chính hợp nhất giữa niên độ, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ của Công ty.

2. Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ yêu cầu Ban Tổng giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn***

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản đầu tư mà Công ty có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận bắt đầu từ ngày mua và được xác định giá trị ban đầu theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Mẫu số B 09a - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)***Đầu tư vào công ty con**

Công ty con là các công ty do Công ty kiểm soát. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của các công ty này.

Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động và không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, liên kết được trích lập tại thời điểm lập báo cáo tài chính khi các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết có sự suy giảm so với giá gốc thì Công ty thực hiện trích lập dự phòng như sau:

Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, dự phòng được trích lập với mức trích bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Tại ngày 30/6/2026, Công ty không có khoản đầu tư cần trích lập dự phòng.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

6. Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh (nếu có) để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có sự suy giảm giá trị (giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được). Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày khóa sổ lập báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình hình thành từ mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến vị trí và trạng thái cần thiết để tài sản có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

Nguyên giá tài sản cố định do các nhà thầu xây dựng bao gồm giá trị công trình hoàn thành bàn giao, các chi phí liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình do tự làm, tự xây dựng bao gồm chi phí xây dựng, chi phí sản xuất thực tế phát sinh cộng chi phí lắp đặt và chạy thử và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản cố định đến vị trí và trạng thái có khả năng hoạt động.

Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu TSCĐ hữu hình được ghi tăng nguyên giá của tài sản khi các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn được điều kiện trên được Công ty ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính như sau:

<i>Loại tài sản cố định</i>	<i>Thời gian khấu hao <năm></i>
- Nhà cửa vật kiến trúc	06 - 25
- Máy móc thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải	07
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
- Tài sản cố định khác	04

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ.

8. Nguyên tắc kế toán và khấu hao tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái có khả năng hoạt động theo cách thức dự định của doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm quyền sử dụng đất và phần mềm kế toán.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng tại số 62 Trần Văn Giáp, Phường Phú Thạnh, thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

Phần mềm kế toán

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị phần mềm kế toán và được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Phần mềm kế toán được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 03 năm.

9. Nguyên tắc kế toán chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

10. Nguyên tắc kế toán và phân bổ các khoản chi phí chờ phân bổ

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm: chi phí sửa chữa nhà xưởng; công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các khoản chi phí trả trước khác.

Chi phí sửa chữa các nhà xưởng thể hiện các chi phí chính phát sinh định kỳ trong thời gian sử dụng của tài sản. Các chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

Công cụ, dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ và các chi phí khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 3 năm.

11. Nguyên tắc kế toán phải trả người bán

Phải trả người bán là các khoản nợ phải trả phát sinh từ việc mua hàng hóa, dịch vụ hoặc tài sản từ người bán trong hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp. Các khoản phải trả người bán được thể hiện theo giá gốc.

12. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được ghi nhận trên cơ sở các phiếu thu, chứng từ ngân hàng, các khế ước và các hợp đồng vay, nợ thuê tài chính.

Các khoản vay và nợ thuê tài chính được theo dõi theo từng đối tượng, kỳ hạn.

13. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”. Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian đủ dài để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc để bán được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi các hoạt động chủ yếu cần thiết cho việc chuẩn bị đưa tài sản đó vào sử dụng hoặc bán đã hoàn thành. Các

Mẫu số B 09a - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)*

khoản thu nhập phát sinh từ hoạt động đầu tư tạm thời của các khoản vốn vay riêng biệt trong khi chờ được sử dụng vào mục đích có được tài sản dở dang được ghi giảm trừ vào chi phí đi vay phát sinh khi vốn hóa.

14. Nguyên tắc kế toán chi phí phải trả

Chi phí phải trả là chi phí đi vay phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng chưa chi trả, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Việc trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được tính toán một cách chặt chẽ và phải có bằng chứng hợp lý, tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kỳ, để đảm bảo số chi phí phải trả hạch toán vào tài khoản này phù hợp với số chi phí thực tế phát sinh.

15. Nguyên tắc kế toán doanh thu chờ phân bổ

Doanh thu chưa thực hiện là khoản nhận trước của khách hàng cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê văn phòng, địa điểm.

16. Nguyên tắc kế toán vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết được ghi nhận theo mệnh giá. Cổ phiếu phát hành để tăng vốn điều lệ, vốn góp của cổ đông được ghi nhận theo số tiền thực tế thu được tương ứng với mệnh giá cổ phiếu phát hành thành công.

Thặng dư vốn

Thặng dư vốn phản ánh khoản chênh lệch giữa mệnh giá và giá phát hành cổ phiếu phổ thông, sau khi trừ đi chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu.

Các chi phí liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu được phân bổ theo số lượng cổ phiếu phát hành thành công: Phần chi phí phân bổ cho cổ phiếu phát hành thành công được bù trừ vào thặng dư vốn.

Cổ phiếu mua lại của chính mình

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, toàn bộ số tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu mua lại của chính mình và phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Tại thời điểm kết thúc kỳ kế toán, giá trị thực tế cổ phiếu mua lại được trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính giữa niên độ bằng cách ghi số âm để ghi giảm vốn đầu tư của chủ sở hữu.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Theo quy định tại Khoản 4 điều số 34 Nghị định 47/2021/NĐ-CP ngày 01/4/2021 của Chính Phủ - Quy định chi tiết một số điều của Luật doanh nghiệp, Các doanh nghiệp đã thực hiện góp vốn, mua cổ phần trước ngày 01 tháng 7 năm 2015 có quyền mua bán, chuyển nhượng, tặng, giảm phần vốn góp, số cổ phần nhưng không được làm tăng thêm tỷ lệ sở hữu chéo so với thời điểm trước ngày 01 tháng 7 năm 2015. Khoản Công ty con góp vốn vào Công ty là từ trước thời điểm 01/07/2015 và cũng không tăng tỷ lệ sở hữu chéo hiện có.

17. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác**Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm**

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm thuốc được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

Mẫu số B 09a - DN**BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)***(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)*

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu hoạt động tài chính

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thu nhập khác

Thu nhập khác là các khoản thu nhập từ các hoạt động không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu từ các hoạt động chính.

18. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán bao gồm giá vốn của sản phẩm do Công ty sản xuất, hàng hóa, nguyên liệu đã bán trong kỳ và được ghi nhận phù hợp với doanh thu trong kỳ.

19. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính

Chi phí tài chính được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ là tổng chi phí tài chính phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính, bao gồm chi phí đi vay và lỗ chênh lệch tỷ giá.

20. Nguyên tắc kế toán Chi phí bán hàng và Chi phí quản lý doanh nghiệp**Chi phí bán hàng**

Chi phí bán hàng là các khoản chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến quá trình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp là các khoản chi phí phát sinh liên quan hoạt động quản lý chung của doanh nghiệp, không trực tiếp gắn với hoạt động bán hàng hoặc sản xuất và được ghi nhận vào chi phí trong kỳ theo cơ sở dồn tích.

21. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác**Các nghĩa vụ về thuế****Thuế giá trị gia tăng (GTGT)**

Công ty áp dụng việc kê khai, tính thuế GTGT theo hướng dẫn của luật thuế hiện hành.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Công ty áp dụng mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là 20% trên lợi nhuận chịu thuế.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Thuế khác

Các loại thuế, phí khác doanh nghiệp thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

22. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm các thành viên mật thiết trong gia đình của họ.

23. Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng giám đốc cho rằng hoạt động chính của Công ty là sản xuất kinh doanh dược phẩm và chủ yếu hoạt động trong một bộ phận theo khu vực địa lý Việt Nam. Do đó, Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 28 - Báo cáo bộ phận.

V. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trên Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ**1. Tiền**

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Tiền mặt	2.629.635.938	3.282.320.320
Tiền gửi ngân hàng	38.506.810.430	58.921.826.253
Tiền gửi ngân hàng VND	38.249.219.782	58.797.090.293
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An	12.290.080.987	2.543.062.304
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội	7.234.182.391	13.823.419.886
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Phạm Hùng	6.999.390.047	803.294.650
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ngọc Khánh	9.848.077.144	40.849.944.996
Tiền gửi không kỳ hạn các Ngân hàng khác	1.877.489.213	777.368.457
Tiền gửi ngân hàng USD	246.815.342	113.685.066
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Hà Tây	7.306.719	7.420.733
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An	239.508.623	106.264.333
Tiền gửi ngân hàng EUR	10.775.306	11.050.894
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An	7.707.452	7.966.814
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Hà Nội 2	3.067.854	3.084.080
Cộng	41.136.446.368	62.204.146.573

CÔNG TY CP DƯỠC PHẨM HÀ TÂY

Địa chỉ: Số 10A phố Quang Trung, phường Hà Đông, TP. Hà Nội, Việt Nam

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026
đến ngày 30/6/2026

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

2. Các khoản đầu tư tài chính

a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	30/6/2026		01/01/2026 (Trình bày lại)		Đơn vị tính: VND
	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi	Giá trị dự phòng	Giá trị ghi sổ	Giá trị có thể thu hồi
Ngắn hạn					
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An (i)	-	-	-	81.904.219.178	81.904.219.178
Ngân hàng TMCP Việt Á - CN Hà Đông (i)	81.763.232.830	81.763.232.830	-	30.546.356.141	30.546.356.141
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - CN Đông Đô (i)	20.786.301.370	20.786.301.370	-	40.594.849.316	40.594.849.316
Cộng	102.549.534.200	102.549.534.200	-	153.045.424.635	153.045.424.635

(i) Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại, lãi suất theo từng hợp đồng

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2026 VND		01/01/2026 VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty con	22.743.525.000	-	22.743.525.000	-
Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà Tây (i)	22.743.525.000	-	22.743.525.000	-
Đầu tư vào công ty liên kết	3.150.000.000	-	3.150.000.000	-
Công ty TNHH Hataphar Miền Nam (ii)	700.000.000	-	700.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam (iii)	2.450.000.000	-	2.450.000.000	-
Cộng (*)	25.893.525.000	-	25.893.525.000	-

Tóm tắt tình hình hoạt động của các công ty con, công ty liên kết trong kỳ:

(i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 12 ngày 29/7/2025 thì Công ty đầu tư 20.857.750.000 đồng vào Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà Tây, tương đương 50,63% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 20.857.750.000 đồng, tương đương 50,63% vốn điều lệ.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 13 ngày 18/11/2025 thì Công ty đầu tư 700.000.000 đồng vào Công ty TNHH Hataphar Miền Nam, tương đương 48,28% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty đã đầu tư 700.000.000 VND, tương đương 48,28% vốn điều lệ.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần 5 ngày 07/4/2026 thì Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam 9.800.000.000 VND, tương đương 49% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty nắm giữ 49% vốn điều lệ tương đương 980.000 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam.

Công ty con và các công ty liên kết đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty với các công ty con và công ty liên kết chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

(*) Công ty chưa xác định được giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư vào công ty khác tại ngày kết thúc niên độ kế toán do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản đầu tư.

3. Phải thu của khách hàng

	30/6/2026 VND		01/01/2026 VND	
	Amount	Provision	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Công ty Cổ phần Dược phẩm và Thiết bị y tế Hà Tây	11.998.011.734	-	13.747.403.367	-
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	22.589.123.262	-	37.438.000.011	-
Công ty TNHH Dược phẩm Đông Đô	27.868.489.018	-	-	-
Các đối tượng khác	59.472.529.214	(3.100.934.958)	66.624.152.098	(3.169.473.494)
Cộng	121.928.153.228	(3.100.934.958)	117.809.555.476	(3.169.473.494)

b) Phải thu của khách hàng là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

4. Trả trước cho người bán

	30/6/2026		01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn				
Pharmametics products a division of max Biocare	12.586.762.100	-	2.573.704.006	-
Delta Pharma Ltd	1.516.328.464	-	7.846.059.364	-
Inbiotech l.t.d	646.177.815	-	6.997.520.425	-
Saifen Drugs Philippines Inc	3.584.185.500	-	2.840.549.628	-
Blis pharma distribution and Consultancy corp.	11.973.124.900	-	3.384.715.680	-
Các đối tượng khác	7.446.536.344	(711.672.000)	9.055.349.137	(711.672.000)
Cộng	37.753.115.123	(711.672.000)	32.697.898.240	(711.672.000)

b) Trả trước cho người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

5. Phải thu khác

	30/6/2026		01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a) Ngắn hạn	326.797.534	-	117.926.940	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>23.853.629</i>	<i>-</i>	<i>26.950.629</i>	<i>-</i>
<i>Tạm ứng</i>	<i>302.943.905</i>	<i>-</i>	<i>90.976.311</i>	<i>-</i>
Nguyễn Văn Phúc	100.000.000	-	-	-
Các đối tượng khác	202.943.905	-	90.976.311	-
b) Dài hạn	6.407.042.500	-	6.407.042.500	-
<i>Ký quỹ, ký cược</i>	<i>6.407.042.500</i>	<i>-</i>	<i>6.407.042.500</i>	<i>-</i>
Ban quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc (*)	6.407.042.500	-	6.407.042.500	-
Cộng	6.733.840.034	-	6.524.969.440	-

(*) Khoản ký quỹ cho Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Hòa Lạc để đảm bảo thực hiện dự án đầu tư "Nhà máy sản xuất dược phẩm công nghệ cao Hataphar" theo Thỏa thuận ký quỹ đảm bảo thực hiện dự án đầu tư số 06/TTKQ ngày 27 tháng 11 năm 2020.

6. Nợ xấu

	30/6/2026		01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi

Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán đã trích lập dự phòng

<i>Phải thu khách hàng</i>	<i>3.460.368.948</i>	<i>359.433.990</i>	<i>3.539.882.618</i>	<i>370.409.124</i>
Bệnh viện thành phố Thủ Đức	1.774.525.000	102.665.000	1.774.525.000	102.665.000
Các đối tượng khác	1.685.843.948	256.768.990	1.765.357.618	267.744.124

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Trả trước cho người bán	711.672.000	-	711.672.000	-
Công ty CP giải pháp ERP	711.672.000	-	711.672.000	-
Cộng	4.172.040.948	359.433.990	4.251.554.618	370.409.124

7. Hàng tồn kho

	30/6/2026		01/01/2026	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	101.696.519.228	-	127.357.336.205	-
Nguyên liệu, vật liệu	67.020.330.327	-	70.055.789.195	-
Công cụ, dụng cụ	50.606.651	-	56.353.924	-
Chi phí Sản xuất kinh doanh dở dang	4.410.717.655	-	9.735.832.625	-
Thành phẩm	45.549.084.588	-	23.437.595.070	-
Hàng hóa	135.894.481.496	-	259.694.070.639	-
Cộng	354.621.739.945	-	490.336.977.658	-

8. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Chỉ tiêu	Phần mềm kế toán	Quyền sử dụng đất	Tổng cộng
Nguyên giá			
Số dư ngày 01/01/2026	650.000.000	1.376.660.000	2.026.660.000
Số dư ngày 30/6/2026	650.000.000	1.376.660.000	2.026.660.000
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư ngày 01/01/2026	650.000.000	-	650.000.000
Số dư ngày 30/6/2026	650.000.000	-	650.000.000
Giá trị còn lại			
Tại ngày 01/01/2026	-	1.376.660.000	1.376.660.000
Tại ngày 30/6/2026	-	1.376.660.000	1.376.660.000

Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026: 650.000.000 VND (Tại ngày 01/01/2026: 650.000.000 VND)

(*) Chi tiết Tài sản cố định vô hình đang hiện hữu có giá trị từ 10% tổng tài sản cố định vô hình trở lên như sau:

Tên Tài sản cố định	30/6/2026		
	VND		
	Nguyên giá	Giá trị hao mòn lũy	Giá trị còn lại
Quyền sử dụng đất số 62 Trần Văn Giáp, thành phố Hồ Chí Minh	1.376.660.000	-	1.376.660.000
Phần mềm kế toán doanh nghiệp Vietsun BA	650.000.000	650.000.000	-
Cộng	2.026.660.000	650.000.000	1.376.660.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

9. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ khác	Cộng	Đơn vị tính: VND
Nguyên giá							
Số dư ngày 01/01/2026	151.594.790.063	231.068.833.687	11.142.238.581	3.830.611.943	439.282.500	398.075.756.774	
Mua trong kỳ	-	150.000.000	-	-	-	150.000.000	
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.386.498.784)	-	-	-	(3.386.498.784)	
Số dư ngày 30/6/2026	151.594.790.063	227.832.334.903	11.142.238.581	3.830.611.943	439.282.500	394.839.257.990	
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư ngày 01/01/2026	91.438.185.808	138.610.646.213	5.539.168.526	3.638.275.618	439.282.500	239.665.558.665	
Khấu hao trong kỳ	3.224.110.314	7.492.282.035	403.888.116	30.266.004	-	11.150.546.469	
Thanh lý, nhượng bán	-	(3.386.498.784)	-	-	-	(3.386.498.784)	
Số dư ngày 30/6/2026	94.662.296.122	142.716.429.464	5.943.056.642	3.668.541.622	439.282.500	247.429.606.350	
Giá trị còn lại							
Tại ngày 01/01/2026	60.156.604.255	92.458.187.474	5.603.070.055	192.336.325	-	158.410.198.109	
Tại ngày 30/6/2026	56.932.493.941	85.115.905.439	5.199.181.939	162.070.321	-	147.409.651.640	
Nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 30/6/2026: 141.272.425.768 VND (Tại ngày 31/12/2025: 144.658.924.552 VND)							

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Chi phí thẩm định AQP	-	1.277.777.778
Chi phí nghiên cứu	-	14.559.878.894
Dự án Nhà máy dược phẩm công nghệ cao Hataphar (*)	814.748.939.426	807.746.227.200
Cộng	814.748.939.426	823.583.883.872

(*) Dự án đầu tư Nhà máy sản xuất dược phẩm Công nghệ cao Hataphar được thực hiện theo quyết định số 163/QĐ-CNCHL ngày 07/10/2020. Dự án có diện tích 45.188 m² nằm tại Lô CN1-03A-1, CN1-03A-2, CN1-03A-3, khu công nghiệp công nghệ cao 1, khu Công nghệ cao Hòa Lạc, xã Thạch Thát, thành phố Hà Nội với tổng mức đầu tư là 1.283 tỷ đồng. Dự án thực hiện đầu tư các hạng mục chủ yếu là: Nhà văn phòng và trung tâm nghiên cứu; Nhà xưởng sản xuất công nghệ chiết suất siêu tới hạn; Nhà xưởng sản xuất thuốc chứa hormone; Nhà xưởng sản xuất thuốc theo công nghệ nano; và Nhà kho trung tâm. Dự án được chia thành 04 giai đoạn, toàn bộ Dự án đi vào vận hành đồng bộ trong quý IV/2027. Tính đến thời điểm lập báo cáo, dự án đang trong giai đoạn hoàn thiện cơ sở hạ tầng và bàn giao.

11. Chi phí chờ phân bổ

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
Dài hạn		
Công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	2.049.108.501	2.465.920.534
Chi phí nghiên cứu phát triển thuốc	12.959.907.530	-
Chi phí sửa chữa nhà xưởng	4.959.151.727	2.858.499.091
Chi phí trả trước khác	222.222.222	307.754.625
Cộng	20.190.389.980	5.632.174.250

12. Phải trả người bán

	30/6/2026 VND		01/01/2026 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Ngắn hạn				
Công ty TNHH Thương mại và Sản xuất Đông Âu	1.239.317.982	1.239.317.982	3.979.856.644	3.979.856.644
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Hataphar Healthcare Việt Nam	3.404.250.661	3.404.250.661	4.686.428.203	4.686.428.203
KPC Pharmaceuticals, Inc	23.878.433.717	23.878.433.717	19.025.983.320	19.025.983.320
XL Laboratories PVT.,LTD	-	-	22.359.757.441	22.359.757.441
Pharmaunity Co.,Ltd	-	-	13.349.510.483	13.349.510.483
Delta Pharma Ltd	53.462.671.565	53.462.671.565	35.828.249.950	35.828.249.950
Blis pharma distribution and Consultancy corp.	-	-	40.758.864.060	40.758.864.060
Wockhardt Limited	24.663.029.725	24.663.029.725	10.056.600.528	10.056.600.528

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Pharmametics products a division of max Biocare	36.767.484.671	36.767.484.671	13.799.528.479	13.799.528.479
Các đối tượng khác	64.266.547.353	64.266.547.353	92.272.943.071	92.272.943.071
Cộng	207.681.735.674	207.681.735.674	256.117.722.179	256.117.722.179

b) Phải trả người bán là các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

13. Người mua trả tiền trước

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Công ty CP Thương mại và Dược phẩm T&T	7.141.708.000	6.442.145.755
Công ty Cổ phần Dược phẩm Thuận An Phát	-	10.784.000.000
Công ty TNHH Dược phẩm Đông Đô	-	2.502.291.750
Công ty TNHH Thương mại Dược TB Việt Nam	22.261.120.350	49.761.555.583
Công ty Cổ phần Dược phẩm Vietlife	-	3.117.958.640
Công ty TNHH Dược phẩm Hiếu Anh	9.616.136.453	8.045.259.000
Công ty TNHH Thương mại Dược phẩm Lâm An	-	6.509.000.000
Công ty Cổ phần Dược phẩm và Thiết bị y tế Life	7.294.910.000	7.278.056.310
Công ty TNHH Sinh dược phẩm Đại Sông Dương	7.898.230.375	9.028.478.251
Công ty TNHH Dược phẩm California USA	11.141.778.005	5.753.424.645
Công ty Cổ phần Dược phẩm Pháp	1.399.623.012	28.976.548.644
Các đối tượng khác	31.481.093.350	38.885.221.408
Cộng	103.941.603.902	177.873.939.986

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Khoản mục	01/01/2026	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Đơn vị tính: VND 30/6/2026
Phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng đầu ra	238.729.115	7.789.908.789	7.989.731.654	38.906.250
Thuế giá trị gia tăng hàng nhập khẩu	-	38.887.044.652	38.887.044.652	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	4.927.630.446	4.927.630.446	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.932.013.924	5.215.244.396	6.074.969.456	3.072.288.864
Thuế Thu nhập cá nhân	123.035.173	2.524.572.520	2.442.013.867	205.593.826
Thuế tài nguyên	-	11.926.600	11.926.600	-
Thuế đất	-	2.108.400.847	2.108.400.847	-
Cộng	4.293.778.212	61.464.728.250	62.441.717.522	3.316.788.940

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

15. Chi phí phải trả

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn		
Trích trước chi phí đi vay phải trả	96.289.965	111.756.803
Cộng	96.289.965	111.756.803

16. Doanh thu chờ phân bổ

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
Ngắn hạn		
Doanh thu nhận trước tiền cho thuê nhà và địa điểm	658.524.989	575.370.229
Cộng	658.524.989	575.370.229

17. Phải trả khác

	30/6/2026	01/01/2026
	VND	VND
a) Ngắn hạn	1.049.656.122	191.526.944
Phải trả, phải nộp khác	1.049.656.122	191.526.944
b) Dài hạn	3.244.800.000	3.337.100.000
Nhận ký cược, ký quỹ	3.244.800.000	3.337.100.000
Cộng	4.294.456.122	3.528.626.944

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

18. Vay và nợ thuê tài chính

Vay và nợ thuê tài chính	30/6/2026		Trong kỳ		01/01/2026		Đơn vị tính: VND
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	
a) Vay ngắn hạn	160.648.306.796	160.648.306.796	208.735.041.876	298.082.138.488	249.995.403.408	249.995.403.408	
a1) Vay ngắn hạn	146.803.598.871	146.803.598.871	208.735.041.876	298.082.138.488	236.150.695.483	236.150.695.483	
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - CN Thành An (1)	24.585.918.394	24.585.918.394	27.003.790.363	32.913.687.818	30.495.815.849	30.495.815.849	
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Tây Hà Nội (2)	26.712.876.010	26.712.876.010	43.712.034.371	79.311.770.320	62.312.611.959	62.312.611.959	
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam - CN Hà Nội (3)	28.365.590.146	28.365.590.146	67.966.495.110	91.651.765.953	52.050.860.989	52.050.860.989	
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Ngọc Khánh (4)	25.886.584.460	25.886.584.460	39.059.765.677	37.583.085.462	24.409.904.245	24.409.904.245	
Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - CN Hà Nội 2 (5)	19.791.268.800	19.791.268.800	21.118.721.175	22.160.803.244	20.833.350.869	20.833.350.869	
Vay cá nhân (6)	21.461.361.061	21.461.361.061	9.874.235.180	34.461.025.691	46.048.151.572	46.048.151.572	
a2) Vay dài hạn đến hạn trả	13.844.707.925	13.844.707.925	-	-	13.844.707.925	13.844.707.925	
Ngân hàng MUFG, LTD - Chi nhánh Thành phố Hà Nội (7)	13.844.707.925	13.844.707.925	-	-	13.844.707.925	13.844.707.925	
b) Vay dài hạn	83.068.247.547	83.068.247.547	-	-	83.068.247.547	83.068.247.547	
Ngân hàng MUFG, LTD - Chi nhánh Thành phố Hà Nội (7)	83.068.247.547	83.068.247.547	-	-	83.068.247.547	83.068.247.547	
Cộng	243.716.554.343	243.716.554.343	208.735.041.876	298.082.138.488	333.063.650.955	333.063.650.955	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

(1) Hợp đồng cấp tín dụng số 3110/2025-HĐCVHM/NHCT320-HATAPHAR ngày 31/10/2025, hạn mức cho vay 300 tỷ đồng (đã bao gồm cả các khoản nợ được điều chỉnh bởi Hợp đồng cấp tín dụng số 2209/2024-HĐCVHM/NHCT320-HATAPHAR ngày 22/09/2024), mục đích vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; lãi suất cho vay là lãi suất ghi trên từng giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất; thời hạn cho vay của từng khoản nợ được ghi trên giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 5 tháng/giấy nhận nợ kể từ thời điểm giải ngân khoản vay; thời hạn duy trì hạn mức đến hết ngày 31/10/2026; khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(2) Hợp đồng cho vay theo hạn mức số 15/26/QLN/CTD/VCBTHN ngày 20/03/2026 đính kèm theo hợp đồng cấp tín dụng số 15/26/QLN/CTD/VCBTHN ngày 20/03/2026, hợp đồng phát hành thư tín dụng theo hạn mức số 15/25/QLN/HMLC/VCBTHN ngày 20/03/2026, thỏa thuận bảo lãnh cấp tín dụng theo hạn mức số 15/26/QLN/HMBL/VCBTHN ngày 20/03/2026, hạn mức cho vay 200 tỷ đồng (bao gồm cả hạn mức của hợp đồng cho vay theo hạn mức số 04/25/QLN/HM/VCBTHN ngày 06/02/2025), mục đích vay để tài trợ các nhu cầu vay vốn ngắn hạn hợp pháp, hợp lý, hợp lệ phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Khách hàng nhưng không bao gồm nhu cầu ngắn hạn phục vụ cho các hoạt động đầu tư tài sản cố định, lãi suất quy định cụ thể theo từng lần nhận nợ; thời hạn cho vay của mỗi khoản nợ tối đa 05 tháng; thời hạn cấp tín dụng là 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng hoặc đến hết ngày 12/04/2027 tùy theo trường hợp nào đến trước; khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(3) Hợp đồng tín dụng số 130002065517 ngày 16/08/2019 và phụ lục gia hạn - sửa đổi bổ sung số 130002065517/11 ngày 16/8/2025 gia hạn hạn mức đến ngày 15/08/2026, hạn mức cho vay là 80 tỷ đồng, mục đích vay để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh; lãi suất vay: đối với trường hợp lãi suất cố định cho khoản vay áp dụng lãi suất cố định trong suốt thời hạn cho vay theo mức lãi suất quy định trên Đơn rút vốn vay kiêm Khế ước nhận nợ của từng khoản vay, trường hợp lãi suất điều chỉnh: áp dụng mức lãi suất tham chiếu MFC 3 tháng cộng (+) Biên độ 0,74%/năm và điều chỉnh 3 tháng một lần trong suốt thời hạn cho vay; thời hạn mỗi khoản tín dụng trong hạn mức quy định trong từng văn bản nhận nợ nhưng không vượt quá 05 tháng/khế ước nhận nợ; khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(4) Hợp đồng tín dụng hạn mức số 01/2026/177578/HĐTD ngày 18/6/2026; hạn mức tín dụng thường xuyên với số tiền tối đa là 200 tỷ đồng; mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, bảo lãnh, mở L/C; lãi suất được xác định trong từng hợp đồng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này nhưng không quá ngày 30/6/2027; khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(5) Hợp đồng tín dụng số 1505-LAV-202500773 ngày 02/7/2025 và Phụ lục số 01 ngày 03/7/2025, hạn mức cho vay 30 tỷ đồng, mục đích sử dụng vốn vay và thanh toán LC bằng vốn vay: bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty năm 2025-2026; lãi suất cho vay áp dụng lãi suất biến đổi theo quy định của ngân hàng tại từng thời điểm nhận nợ; thời hạn cho vay theo từng giấy nhận nợ cụ thể nhưng không quá 06 tháng; thời hạn cấp hạn mức 12 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng này; khoản vay không có tài sản đảm bảo.

(6) Các khoản vay cá nhân theo từng hợp đồng vay, nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; thời hạn vay dưới 12 tháng; lãi suất từ 2%/năm đến 6,5%/năm.

(7) Hợp đồng tín dụng dài hạn số FL/053/22 ngày 02/8/2022, thỏa thuận sửa đổi số 02 ngày 17/01/2023, thỏa thuận sửa đổi số 03 ngày 27/12/2023 đối với Hợp đồng tín dụng số FL/053/22 ngày 02/8/2022, hạn mức tín dụng không vượt quá 235 tỷ đồng, thời hạn vay đến 31/12/2032. Mục đích vay để sử dụng cho Đầu tư Tài sản cố định/Xây dựng nhà máy và không sử dụng cho mục đích nào khác. Lãi suất cụ thể cho kỳ tính lãi đầu tiên được nêu trong Đề nghị rút vốn và không sử dụng cho mục đích nào khác. Lãi suất cụ thể cho kỳ tính lãi đầu tiên được nêu trong Đề nghị rút vốn và tạo thành một phần không tách rời của các đề nghị đó sẽ có giá trị ràng buộc hai bên kể từ thời điểm Ngân hàng và Khách hàng đồng ý về mức lãi suất đó (dù bằng lời nói hoặc cách nào khác), mức lãi suất cụ thể và các điều khoản khác của các khoản rút vốn sau đó sẽ được ghi lại bằng chứng trong một thông báo "Thông báo khoản vay" được Ngân hàng gửi cho Khách hàng. Khoản vay được đảm bảo bằng thư bảo lãnh do Aska Pharmaceutial Holdings Co., Ltd phát hành ngày 02/8/2022. Đợt hoàn trả đầu tiên liên quan đến một khoản Rút vốn sẽ được thực hiện vào ngày làm việc cuối cùng của tháng 12 năm 2025, các đợt hoàn trả tiếp theo sẽ được thực hiện 12 tháng một lần.

c) Vay các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)
(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Đơn vị tính: VND						
19. Vốn chủ sở hữu						
a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu						
Chỉ tiêu	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư ngày 01/01/2025	823.417.730.000	96.320.000.000	24.375.893.101	(15.130.000)	8.963.148.976	64.536.134.228
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	52.445.587.221
Tăng vốn góp của Chủ sở hữu từ Thặng dư vốn cổ phần	60.037.780.000	(60.037.780.000)	-	-	-	-
Tăng vốn góp của Chủ sở hữu từ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	22.300.000.000	-	-	-	(22.300.000.000)	-
Số dư ngày 31/12/2025	905.755.510.000	36.282.220.000	24.375.893.101	(15.130.000)	8.963.148.976	94.681.721.449
Lãi trong kỳ này	-	-	-	-	-	20.037.025.130
Chuyển Vốn khác của CSH sang Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối (*)	-	-	(24.375.893.101)	-	-	24.375.893.101
Số dư ngày 30/6/2026	905.755.510.000	36.282.220.000	-	(15.130.000)	8.963.148.976	139.094.639.680
						1.090.080.388.656

(*) Chuyển "Vốn khác của chủ sở hữu" sang "Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối" theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 Công ty CP Dược phẩm Hà Tây số 219/NQ-DHT ngày 30/3/2026.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
ASKA Pharmaceutical Co., Ltd	362.727.620.000	362.727.620.000
Ông Lê Văn Lớ	50.819.900.000	50.819.900.000
Bà Lê Việt Linh	57.441.840.000	57.441.840.000
Các cổ đông khác	434.766.150.000	434.766.150.000
Cộng	905.755.510.000	905.755.510.000

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Vốn góp của chủ sở hữu	905.755.510.000	823.417.730.000
Vốn góp đầu kỳ	-	-
Vốn góp tăng trong kỳ	905.755.510.000	823.417.730.000
Vốn góp cuối kỳ	-	-
Cổ tức, lợi nhuận, cổ phiếu thưởng đã chia		

d) Cổ phiếu

	30/6/2026 Cổ phiếu	01/01/2026 Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đã đăng ký phát hành	90.575.551	90.575.551
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	90.575.551	90.575.551
- Cổ phiếu phổ thông	90.575.551	90.575.551
Số lượng cổ phiếu đã mua lại	1.513	1.513
- Cổ phiếu phổ thông	1.513	1.513
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	90.574.038	90.574.038
- Cổ phiếu phổ thông	90.574.038	90.574.038

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/Cổ phiếu

e) Cổ tức

Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán:

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông: chưa

- Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi: không có

Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận: không có

20. Các khoản mục ngoài Báo cáo tình hình tài chính riêng giữa niên độ**Ngoại tệ các loại**

	30/6/2026	01/01/2026
Dollar Mỹ (USD)	9.416,73	4.387,44
Euro (EUR)	357,70	365,98

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

VI. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
a) Doanh thu		
Doanh thu bán thành phẩm	213.881.442.378	265.730.014.278
Doanh thu bán hàng hóa	886.954.250.277	749.873.376.350
Cộng	1.100.835.692.655	1.015.603.390.628

b) Doanh thu với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3**2. Các khoản giảm trừ doanh thu**

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
Hàng bán bị trả lại	48.975.762	-
Cộng	48.975.762	-

3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
a) Doanh thu thuần		
Doanh thu thuần bán thành phẩm	213.832.466.616	265.730.014.278
Doanh thu thuần bán hàng hóa	886.954.250.277	749.873.376.350
Cộng	1.100.786.716.893	1.015.603.390.628

b) Doanh thu thuần với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3**4. Giá vốn bán hàng**

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
Giá vốn thành phẩm đã bán	146.990.845.035	182.242.619.588
Giá vốn bán hàng hóa	868.849.530.575	732.963.198.401
Chi phí xử lý hàng tồn kho	304.611.103	100.983.755
Cộng	1.016.144.986.713	915.306.801.744

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

5. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
a) Các khoản Doanh thu hoạt động tài chính		
Lãi tiền gửi ngân hàng	3.551.713.582	2.950.087.761
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.022.887.500
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	3.151.450.038	694.108.863
Lãi bán hàng trả chậm, chiết khấu thanh toán	3.546.436.887	7.250.834.138
Lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ	977.902.188	-
Cộng	11.227.502.695	12.917.918.262

b) Doanh thu hoạt động tài chính với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3**6. Chi phí tài chính**

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
a) Chi phí tài chính phát sinh trong kỳ	6.527.240.650	13.245.813.064
Chi phí đi vay	5.758.663.193	7.127.225.787
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ	768.577.457	818.860.074
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại cuối kỳ	-	5.299.727.203
Cộng	6.527.240.650	13.245.813.064

b) Chi phí hoạt động tài chính với các bên liên quan: Chi tiết trình bày tại thuyết minh số VIII.3**7. Thu nhập khác**

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
Thu thanh lý tài sản cố định	-	100.000.000
Thu cho thuê nhân công	-	48.613.865
Thu nhập từ cho thuê địa điểm	5.897.670.603	7.002.215.655
Thu nhập khác	830.443.877	293.678.870
Cộng	6.728.114.480	7.444.508.390

8. Chi phí khác

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
Truy thu thuế, phạt chậm nộp thuế, phạt hành chính	775.105.725	95.270.996
Thuế GTGT không được hoàn	-	534.173.474
Chi phí khác	1	19
Cộng	775.105.726	629.444.489

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

9. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
a) Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong kỳ	20.631.771.897	13.939.566.132
Chi phí nhân viên bán hàng	12.915.684.636	7.576.125.608
Chi phí vật liệu bao bì	296.482.934	220.082.292
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	67.322.557	52.131.060
Chi phí khấu hao TSCĐ	238.191.444	300.477.432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	3.962.550.710	1.427.234.974
Chi phí bằng tiền khác	3.151.539.616	4.363.514.766
b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ	49.479.498.092	57.504.913.706
Chi phí nhân viên quản lý	21.162.890.680	24.467.311.240
Chi phí vật liệu quản lý	1.843.767.535	1.791.987.821
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	3.312.781.611	4.861.630.843
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.517.327.194	1.191.917.672
Thuế, phí, lệ phí	2.120.327.447	1.427.508.634
Chi phí dự phòng	-	303.656.290
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.235.569.886	8.353.042.002
Chi phí bằng tiền khác	9.286.833.739	15.107.859.204
c) Các khoản ghi giảm chi phí quản lý doanh nghiệp	(68.538.536)	(90.806.801)
Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	(68.538.536)	(90.806.801)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Giá mua hàng hóa đã bán	868.849.530.575	-
Chi phí nguyên, vật liệu	116.318.422.497	151.066.661.550
Chi phí nhân công	47.878.173.050	44.069.744.456
Chi phí khấu hao tài sản cố định	11.366.753.747	10.873.955.699
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.652.922.766	16.268.279.854
Chi phí khác bằng tiền	24.121.915.531	29.845.824.181
Cộng	1.086.187.718.166	252.124.465.740

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế thu nhập doanh nghiệp	25.252.269.526	35.430.084.946
Các khoản thu nhập được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp	-	(2.022.887.500)
Chi phí không được trừ khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp	823.952.455	678.291.218

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Thu nhập tính thuế thu nhập doanh nghiệp	26.076.221.981	34.085.488.664
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	20%	20%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	5.215.244.396	6.817.097.733

12. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu không trình bày trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ này mà được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026 của Công ty theo hướng dẫn tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 - Lãi cơ bản trên cổ phiếu.

VII. Thông tin bổ sung cho các khoản mục trình bày trong Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng giữa niên độ

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
1. Số tiền đi vay thực thu trong kỳ		
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường	208.735.041.876	381.263.054.367
2. Số tiền đã thực trả gốc vay trong kỳ		
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường	298.082.138.488	428.844.873.182

VIII Những thông tin khác**1. Cam kết thuê hoạt động**

Công ty ký các hợp đồng thuê đất với Nhà nước nhằm mục đích phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh tại các địa phương mà Công ty có cơ sở kinh doanh và ký hợp đồng thuê đất với Ban quản lý khu công nghệ cao Hòa Lạc nhằm mục đích thực hiện dự án xây dựng Nhà máy sản xuất dược phẩm Công nghệ cao Hataphar. Theo các hợp đồng này, Công ty phải trả tiền thuê đất cho đến ngày đáo hạn hợp đồng theo các quy định hiện hành.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2026 số 219/NQ-DHT ngày 30/3/2026 và Nghị quyết Hội đồng quản trị số 56/HĐQT-DHT ngày 24/7/2026, Công ty đã thông qua triển khai phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu năm 2026 với tỷ lệ phát hành là 10%, tỷ lệ thực hiện 10:1 (tại ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền, cổ đông hiện hữu sở hữu cứ 10 cổ phiếu sẽ được nhận thêm 01 cổ phiếu mới). Số lượng cổ phiếu dự kiến phát hành tối đa là 9.057.399 cổ phiếu. Thời gian thực hiện tăng vốn dự kiến trong Quý III năm 2026.

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, theo nhận định của Ban Tổng giám đốc, trên các khía cạnh trọng yếu, ngoài sự kiện nêu trên không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2026 đến ngày 30/6/2026.

3. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)***Danh sách các bên liên quan:****Bên liên quan**

Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà Tây
 Công ty TNHH Hataphar Miền Nam
 Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Healthcare Việt Nam
 Ông Lê Anh Trung

Ông Lê Văn Lớ

Ông Lê Xuân Thắng

Ông Hiroyasu Nishioka

Ông Yuichiro Okuma

Ông Osamu Yomogida

Ông Hoàng Văn Tuế

Bà Lê Việt Linh

Ông Keisuke Oshio

Ông Nguyễn Bá Lai

Ông Ngô Tuấn Việt

Ông Ngô Văn Chính

Ông Kazuhizo Chiku

Bà Nguyễn Thị Hoa

Ông Nguyễn Hà Đệ

Ông Đinh Nam Hà

Bà Phạm Minh Thu

Ông Hoàng Đình Đang

Ông Bùi Doãn Đạt

Ông Bùi Thảo Nguyên

Bà Doãn Hà Thu

Ông Murakawa Hitoshi

Ông Hoàng Quang Anh

Mối quan hệ

Công ty con
 Công ty liên kết
 Công ty liên kết
 Chủ tịch HĐQT
 (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)
 và Phó Tổng giám đốc
 (Thôi chức vụ từ ngày 30/3/2026)
 Chủ tịch HĐQT
 (Thôi chức vụ từ ngày 30/3/2026)
 và Cố vấn HĐQT
 (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)
 Phó chủ tịch thường trực HĐQT
 (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)
 và Tổng Giám đốc
 (Thôi chức vụ từ ngày 30/3/2026)
 Phó Chủ tịch HĐQT
 (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)
 Thành viên HĐQT
 (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)
 Thành viên HĐQT
 (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)
 Tổng Giám đốc
 (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)
 Thành viên HĐQT
 Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
 Thành viên HĐQT
 (Thôi giữ chức vụ từ ngày 30/3/2026)
 Phó Tổng giám đốc
 Phó Tổng giám đốc
 Trưởng Ban kiểm soát
 Thành viên Ban kiểm soát
 Thành viên Ban kiểm soát
 (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)
 Thành viên Ban kiểm soát
 (Thôi giữ chức vụ từ ngày 30/3/2026)
 Kế toán trưởng
 (Bổ nhiệm từ ngày 30/3/2026)
 Người quản trị Công ty
 kiêm Người công bố thông tin
 Trưởng Ban kiểm toán nội bộ
 Thành viên Ban kiểm toán nội bộ
 Thành viên Ban kiểm toán nội bộ
 Thành viên Ban kiểm toán nội bộ
 Thành viên Ban kiểm toán nội bộ
 Con trai ông Hoàng Văn Tuế

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

3.1. Trong kỳ, Công ty đã có những giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan

	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026 VND	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025 VND
a) Mua hàng		
Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà Tây	664.653.750	2.855.031.980
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Healthcare Việt Nam	26.211.638.279	37.602.527.438
b) Bán hàng		
Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà Tây	7.564.799.053	8.965.277.918
Công ty TNHH Hataphar Miền Nam	163.636.364	163.636.364
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Healthcare Việt Nam	68.922.766.634	102.463.763.359
c) Doanh thu tài chính (Cổ tức được chia)		
Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà Tây	-	1.042.887.500
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Healthcare Việt Nam	-	980.000.000
d) Doanh thu tài chính (Chiết khấu thanh toán nhận được)		
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Healthcare Việt Nam	1.660.899.099	906.942.060
e) Chi phí đi vay		
Ông Lê Văn Lớ	248.344.140	508.597.522
Ông Nguyễn Bá Lai	39.810.666	71.285.488
Ông Hoàng Văn Tuế	15.549.333	29.594.844
Ông Lê Anh Trung	13.387.050	10.360.475
Ông Đinh Nam Hà	4.382.833	-
Ông Hoàng Quang Anh	27.583.632	31.847.586

3.2. Số dư các bên liên quan

	30/6/2026 VND	01/01/2026 VND
a) Phải thu khách hàng		
Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà Tây	11.998.011.734	13.747.403.367
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Healthcare Việt Nam	22.589.123.262	37.438.000.011
b) Trả trước cho người bán		
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Healthcare Việt Nam	766.371.231	1.200.236.884
c) Phải trả người bán		
Công ty CP Dược và Thiết bị y tế Hà Tây	7.676.000	29.678.000
Công ty CP Dược phẩm công nghệ cao Healthcare Việt Nam	3.404.250.661	4.686.428.203
d) Vay và nợ thuê tài chính		
Ông Lê Văn Lớ	7.914.130.077	24.326.171.582
Ông Nguyễn Bá Lai	1.000.000.000	3.000.000.000

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Ông Hoàng Văn Tuế	-	639.872.000
Ông Lê Anh Trung	429.301.455	429.301.455
Ông Hoàng Quang Anh	323.844.390	916.357.390

3.3. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

Họ và tên	Từ 01/01/2026 đến 30/6/2026	Từ 01/01/2025 đến 30/6/2025
	VND	VND
Ông Lê Anh Trung	984.959.500	791.024.100
Ông Lê Văn Lớ	1.046.411.600	918.732.000
Ông Hiroyasu Nishioka	-	-
Ông Lê Xuân Thắng	1.024.814.500	843.371.760
Bà Lê Việt Linh	964.344.200	792.825.660
Ông Hoàng Văn Tuế	863.232.800	716.481.960
Ông Yuichiro Okuma	-	-
Ông Keisuke Oshio	-	-
Ông Osamu Yomogida	183.384.600	-
Ông Nguyễn Bá Lai	828.888.100	679.952.200
Ông Ngô Tuấn Việt	796.953.700	544.312.300
Ông Ngô Văn Chính	762.338.600	680.783.400
Bà Nguyễn Thị Hoa	96.651.300	-
Ông Kazuhizo Chiku	-	-
Ông Nguyễn Hà Đệ	328.198.700	256.591.400
Bà Phạm Minh Thư	35.974.700	-
Ông Đinh Nam Hà	116.767.600	-
Ông Hoàng Đình Đăng	156.989.100	-
Ông Bùi Doãn Đạt	63.582.200	-
Ông Bùi Thảo Nguyên	26.315.200	-
Bà Doãn Hà Thu	86.526.400	-
Ông Murakawa Hitoshi	-	-
Cộng	8.366.332.800	6.224.074.780

4. Thông tin so sánh

Là số liệu được lấy từ Báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2025 và Báo cáo tài chính giữa niên độ cho kỳ hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025 của Công ty CP Dược phẩm Hà Tây đã được kiểm toán và soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Việt Nam.

Mẫu số B 09a - DN

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG GIỮA NIÊN ĐỘ (tiếp theo)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ kèm theo)

Như đã trình bày tại Thuyết minh số III.3, kể từ ngày 01/01/2026, Công ty đã áp dụng Thông tư số 99. Theo đó, một số số liệu của năm trước đã được trình bày lại để phù hợp với việc so sánh với số liệu của kỳ này, cụ thể như sau:

	Số đã báo cáo	Trình bày lại	Số sau trình bày lại
	VND	VND	VND
Báo cáo tình hình tài chính tại ngày 31/12/2025			
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn	150.000.000.000	3.045.424.635	153.045.424.635
Phải thu ngắn hạn khác	3.163.351.575	(3.045.424.635)	117.926.940
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ cho hoạt động từ ngày 01/01/2025 đến ngày 30/6/2025			
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư, tài chính	(5.072.975.261)	26.834.753	(5.046.140.508)
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	5.275.002.680	(26.834.753)	5.248.167.927

Phê duyệt, ngày 20 tháng 8 năm 2026

CÔNG TY CP DƯỢC PHẨM HÀ TÂY

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Hải Triều

Đình Nam Hà

Osamu Yomogida

